HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM
62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,
Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1581
(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 03/11/2026 đến ngày 09/11/2026)

A/ THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

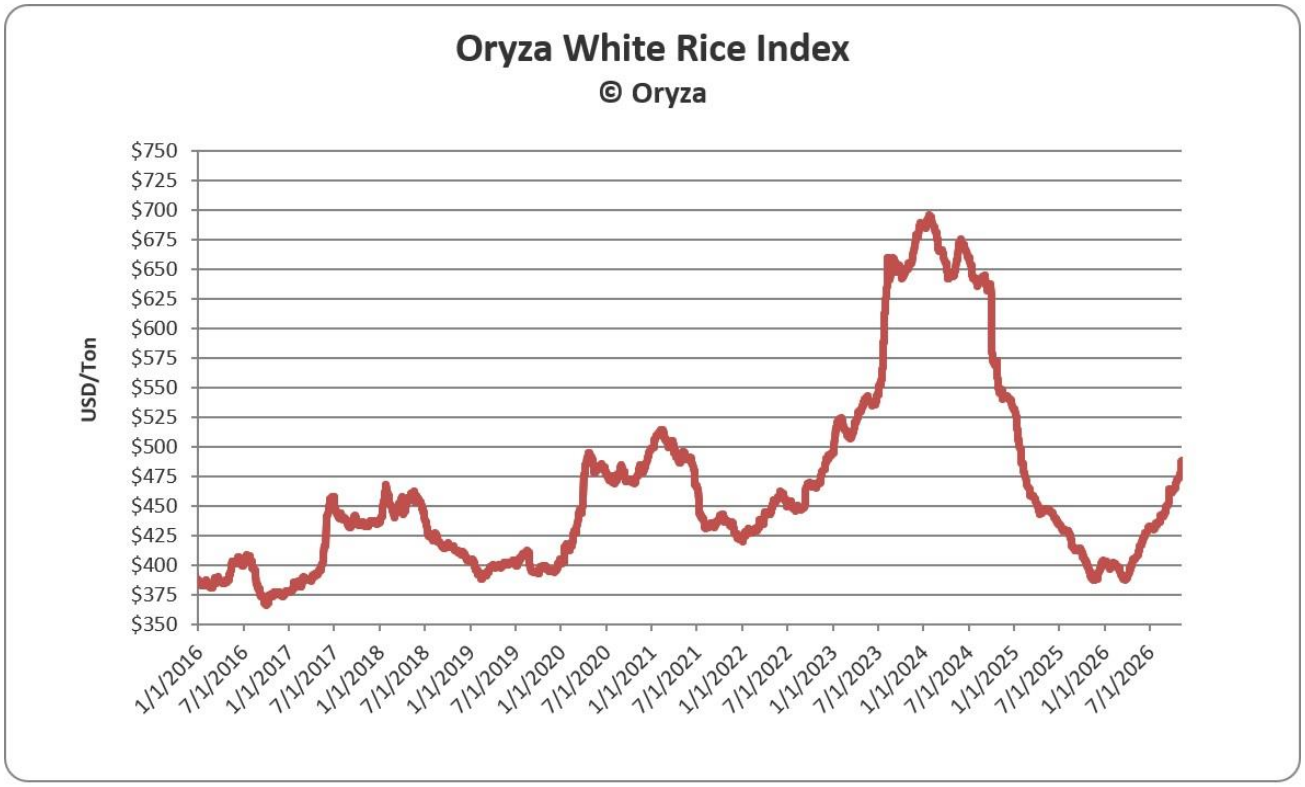
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: *(Nguồn Oryza.com)*

Bảng giá gạo thế giới: *(USD/MT, FOB)*

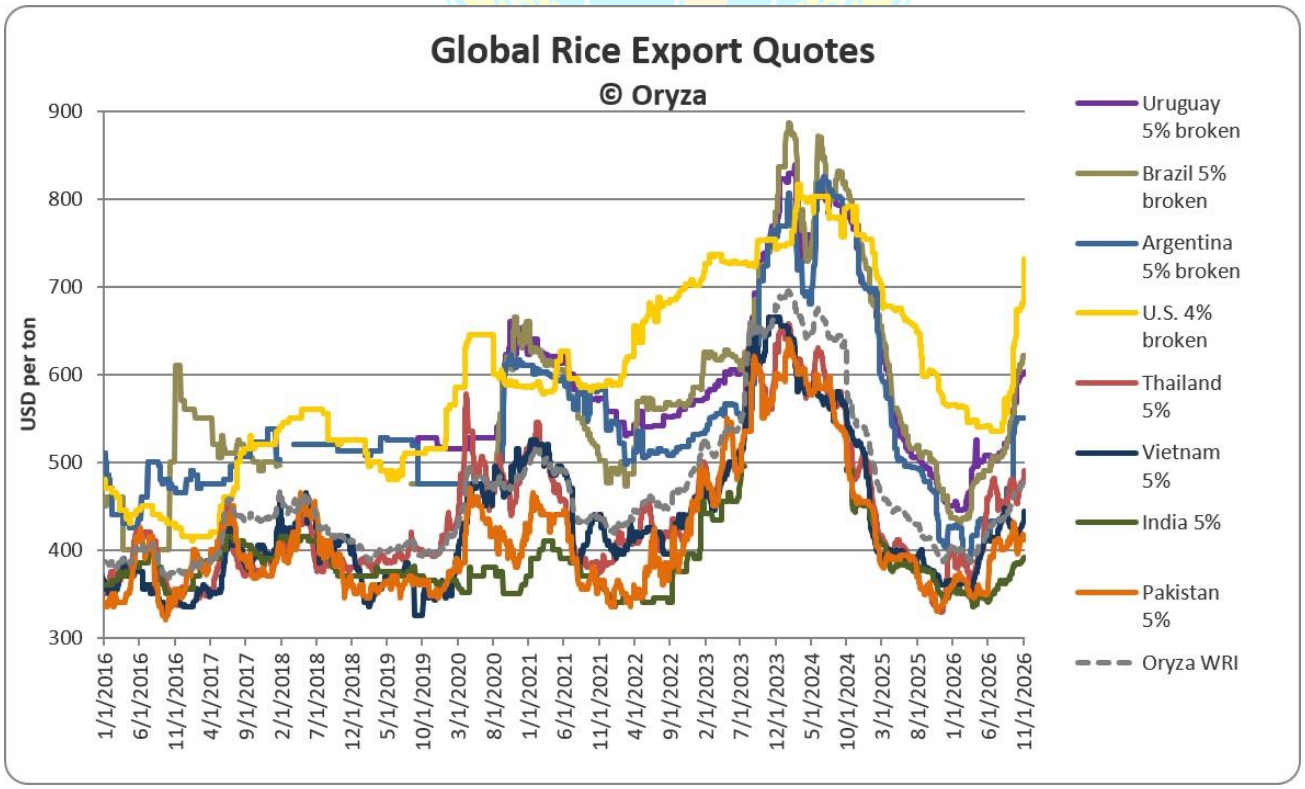
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	03 – 11		04 – 11		05 – 11		06 – 11	
		min	*max*	*min*	*max*	*min*	*max*	*min*	*max*
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	491	495	491	495	491	495	491	495
	5% tấm	481	485	481	485	481	485	481	485
	25% tấm	455	459	455	459	455	459	455	459
	Hom Mali 92%	1.115	1.119	1.115	1.119	1.115	1.119	1.115	1.119
	Gạo đồ 100% Stxd	492	496	492	496	492	496	492	496
	A1 Super	413	417	413	417	413	417	413	417
VIỆT NAM	5% tấm	435	439	435	439	435	439	435	439
	25% tấm	418	422	418	422	418	422	418	422
	Gạo thơm 5% tấm	510	515	510	515	510	515	510	515
	Jasmine	556	560	556	560	556	560	556	560
	100% tấm	392	396	392	396	392	396	392	396
ẤN ĐỘ	5% tấm	390	394	390	394	390	394	390	394
	25% tấm	380	384	380	384	380	384	380	384
	Gạo đồ 5% Stxd	381	385	381	385	381	385	381	385
	100% tấm Stxd	331	335	331	335	331	335	331	335
PAKISTAN	5% tấm	411	415	411	415	411	415	411	415
	25% tấm	389	393	389	393	389	393	389	393
	100% tấm Stxd	338	342	338	342	338	342	338	342
MIẾN ĐIỆN	5% tấm	468	472	468	472	468	472	468	472
MỸ	4% tấm	683	687	683	687	683	687	683	687
	15% tấm (Sacked)	649	653	649	653	649	653	649	653
	Gạo đồ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	911	915	911	915	911	915	911	915

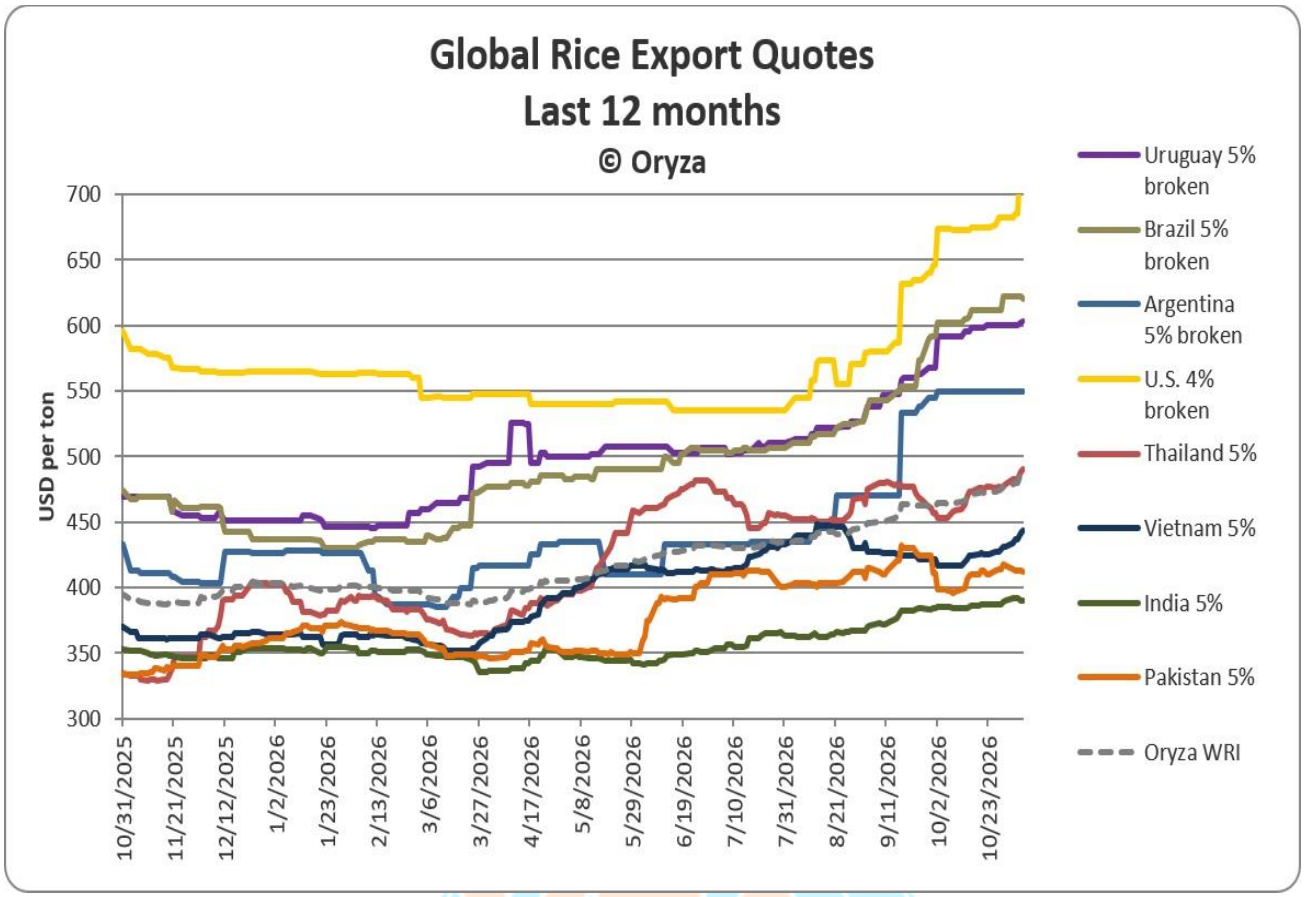
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

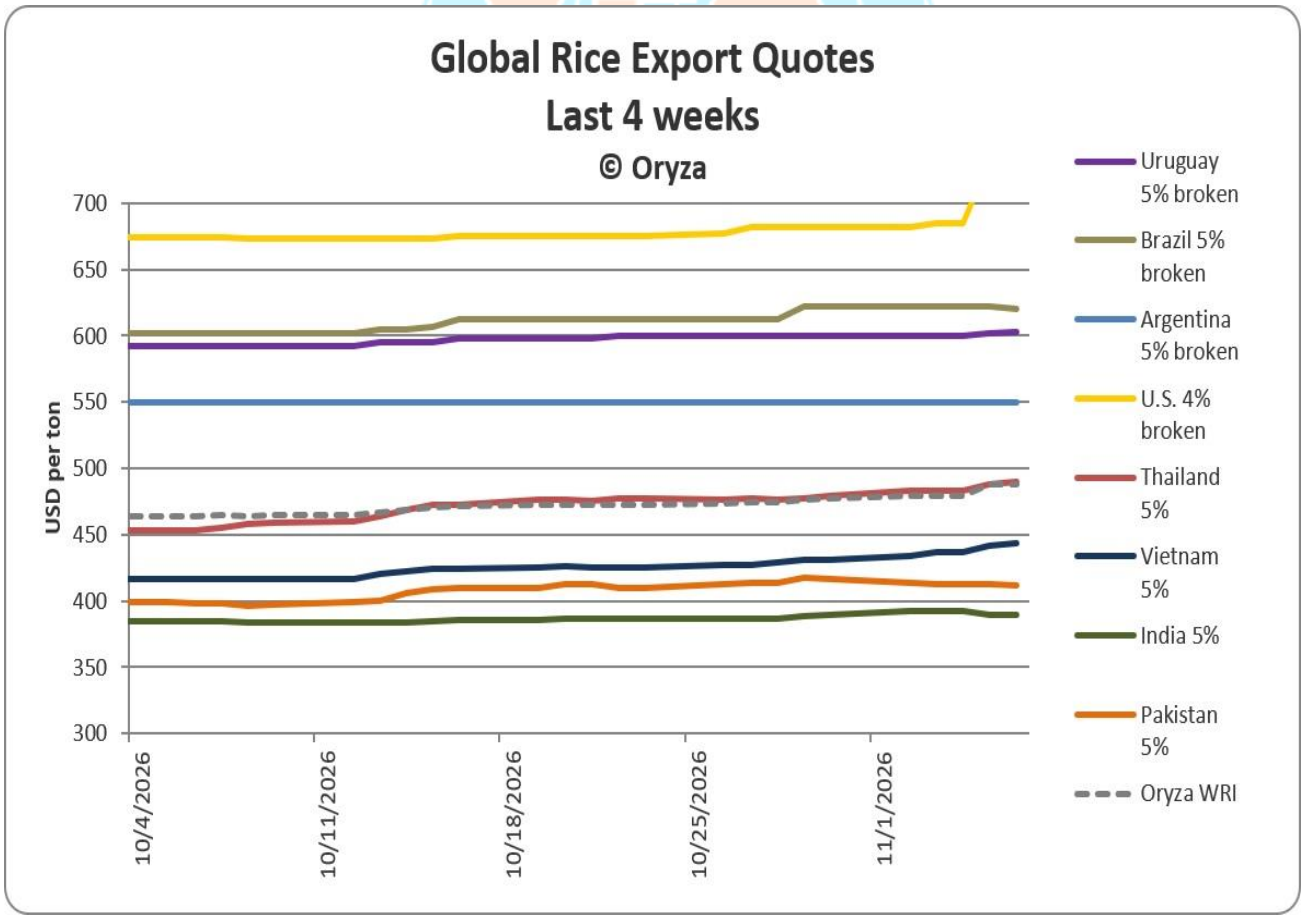
*Tổng quan thị trường:

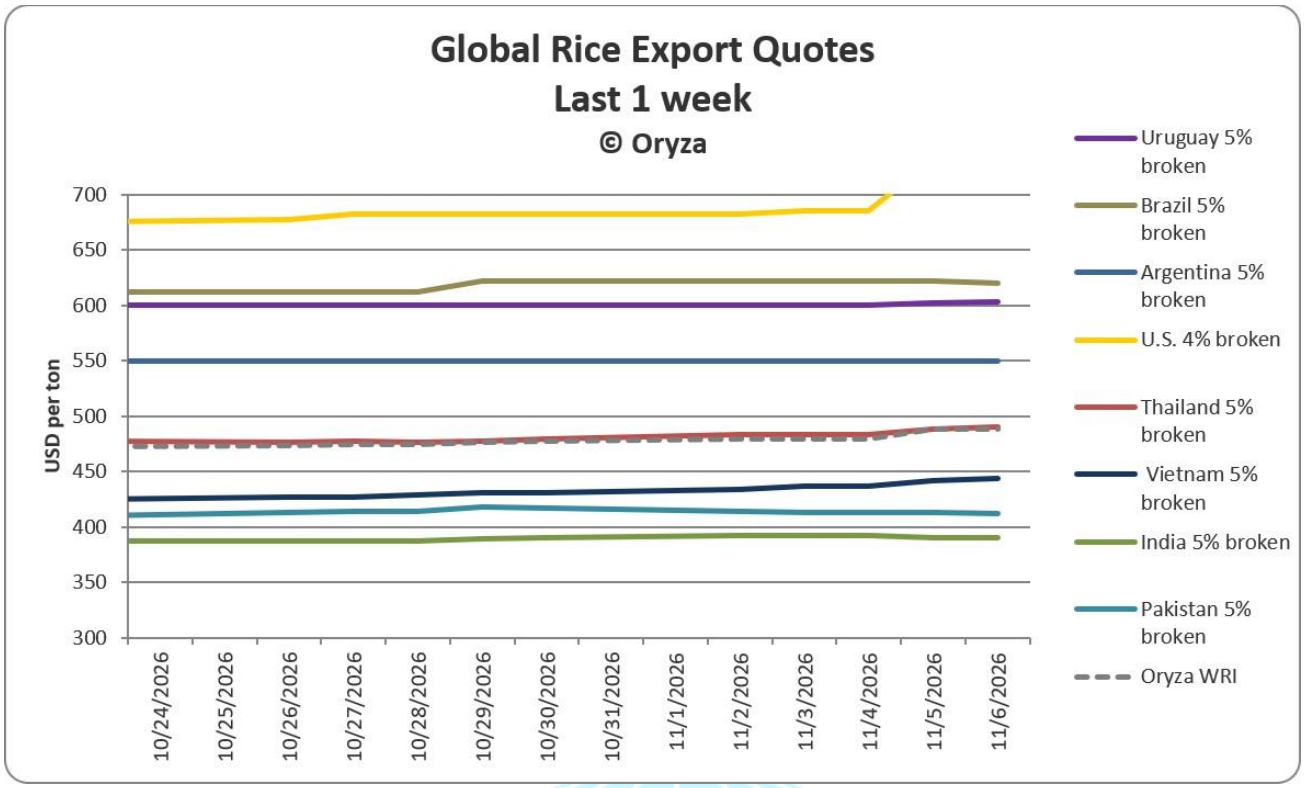


Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 488 USD/tấn, tăng 11 USD/tấn so với tuần trước và tăng 24 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 90 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.




Global Rice Export Quotes
Last 12 months
© Oryza
USD per ton
700
650
600
550
500
450
400
350
300
10/31/2025
11/21/2025
12/12/2025
1/2/2026
1/23/2026
2/13/2026
3/6/2026
3/27/2026
4/17/2026
5/8/2026
5/29/2026
6/19/2026
7/10/2026
7/31/2026
8/21/2026
9/11/2026
10/2/2026
10/23/2026
Uruguay 5% broken
Brazil 5% broken
Argentina 5% broken
U.S. 4% broken
Thailand 5%
Vietnam 5%
India 5%
Pakistan 5%
Oryza WRI


Global Rice Export Quotes
Last 4 weeks
© Oryza
USD per ton
700
650
600
550
500
450
400
350
300
10/4/2026
10/11/2026
10/18/2026
10/25/2026
11/1/2026
Uruguay 5% broken
Brazil 5% broken
Argentina 5% broken
U.S. 4% broken
Thailand 5%
Vietnam 5%
India 5%
Pakistan 5%
Oryza WRI



** Xung đột quân sự tại eo biển Hormuz và Biển Đen làm gia tăng rủi ro đối với vận tải biển và thương mại nông sản*

Các cuộc xung đột quân sự gia tăng tại eo biển Hormuz và Biển Đen đang đe dọa hoạt động vận tải biển thương mại, khiến các hãng tàu phải đưa ra mức lương và tiền thưởng đặc biệt cao nhằm giữ chân thuyền viên sẵn sàng làm việc tại những vùng biển nguy hiểm. Nếu tình trạng gián đoạn kéo dài, các tàu có thể buộc phải thay đổi tuyến hành trình, làm tăng chi phí vận tải và chậm tiến độ giao hàng, ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Đối với thương mại nông sản, đặc biệt là hoạt động nhập khẩu gạo vào khu vực Trung Đông, chi phí vận tải tăng cao và lịch trình giao hàng không ổn định có thể làm tăng giá thành hàng nhập khẩu tại cảng đến, trong khi những gián đoạn đối với hoạt động xuất khẩu ngũ cốc từ khu vực Biển Đen có thể làm gia tăng biến động trên thị trường ngũ cốc thế giới.

** Rủi ro vận tải biển toàn cầu gia tăng do xung đột tại các tuyến hàng hải trọng yếu*

Xung đột leo thang tại Biển Đen, eo biển Hormuz và Biển Đỏ đang làm gia tăng rủi ro đối với hoạt động vận tải biển toàn cầu, đẩy giá cước vận tải và phí bảo hiểm hàng hải tăng cao, đồng thời đe dọa hoạt động thương mại nông sản. Chi phí bảo đảm an ninh gia tăng, hạn chế về khả năng cung ứng tàu, tuyến vận chuyển kéo dài và nguy cơ chậm giao hàng có thể làm tăng chi phí vận chuyển ngũ cốc và nới rộng chênh lệch giữa giá FOB và giá hàng giao tại nơi đến. Những gián đoạn này có thể ảnh hưởng đến luồng thương mại ngũ

cốc và gạo toàn cầu trong suốt năm 2027, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu từ khu vực Biển Đen và vận chuyển nông sản qua khu vực Trung Đông.

** Hiện tượng El Niño năm 2026 mạnh lên, làm gia tăng lo ngại về sản xuất nông nghiệp toàn cầu*

Theo *Revista Cultivar*, hiện tượng El Niño năm 2026 đã mạnh lên nhanh chóng, với mức bất thường nhiệt độ bề mặt nước biển tại khu vực Niño 3,4 đạt 2,47°C trong tháng 10, vượt mức kỷ lục 2,07°C của tháng 10/1982. Một số khu vực quan trọng khác trên Thái Bình Dương cũng ghi nhận nhiệt độ ở mức kỷ lục hoặc gần kỷ lục. Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO) dự báo hiện tượng này có thể trở thành một trong những đợt El Niño mạnh nhất từng được ghi nhận, làm gia tăng lo ngại về nguy cơ hạn hán, mưa lớn bất thường và gián đoạn sản xuất nông nghiệp trên toàn cầu.

** El Niño có nguy cơ ảnh hưởng đến sản lượng, nguồn cung và giá gạo thế giới đến quý I/2027*

Hiện tượng El Niño đang diễn ra có thể gây gián đoạn sản xuất, nguồn cung và giá gạo toàn cầu đến hết quý I/2027. Theo Hệ thống Thông tin Thị trường Nông nghiệp (AMIS) của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2026/27 dự báo giảm 2,4%, xuống còn 552,47 triệu tấn, do lượng mưa suy giảm tại Nam Á và Đông Nam Á đe dọa triển vọng mùa vụ. Theo số liệu lịch sử, những năm xảy ra hiện tượng El Niño thường ghi nhận mức thiếu hụt sản lượng lúa bình quân khoảng 9,6 triệu tấn. Trong số các nước sản xuất lớn, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo sản lượng gạo của Ấn Độ giảm 4,6% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 147 triệu tấn, trong khi sản lượng của Thái Lan dự kiến giảm 1,9%, xuống còn 20,3 triệu tấn. Sản xuất lúa gạo tại Pakistan, Indonesia, Việt Nam, Philippines và Malaysia cũng đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn liên quan đến thời tiết. Tình trạng ngập lụt tại Thái Lan tiếp tục gây gián đoạn hoạt động vận chuyển và làm gia tăng lo ngại về việc chậm tiến độ gieo trồng cũng như thiệt hại mùa vụ. Giá gạo thế giới đã tăng trong bối cảnh lo ngại nguồn cung bị ảnh hưởng bởi thời tiết bất lợi. Kể từ tháng 7/2026, giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ và Pakistan tăng khoảng 20 USD/tấn, trong khi giá gạo Thái Lan và Việt Nam tăng khoảng 30 USD/tấn. Giá hợp đồng tương lai gạo kỳ hạn tháng thứ hai trên Sàn giao dịch Chicago (CBOT) tăng lên mức 17,8 USD/100 pound trong tháng 10, cao nhất trong 29 tháng. BMI đã nâng dự báo giá gạo bình quân năm 2026 từ 12,9 USD lên 14 USD/100 pound.

** Giá gạo châu Á tăng lên mức cao nhất trong gần hai năm do lo ngại tác động của El Niño*

Theo Bloomberg, giá gạo châu Á đã tăng lên mức cao nhất trong gần hai năm do lo ngại tình trạng khô hạn liên quan đến hiện tượng El Niño có thể làm giảm sản lượng tại các quốc gia sản xuất lúa gạo chủ chốt. Các dự báo của USDA và FAO cho thấy sản lượng gạo toàn cầu có thể giảm trong niên vụ 2026/27, lần đầu tiên sau hơn một thập kỷ. Giá gạo xuất khẩu 5% tấm của Thái Lan đạt 499 USD/tấn (tương đương khoảng 45.910 rupee Ấn Độ/tấn) vào ngày 04/11/2026, mức cao nhất kể từ tháng 12/2024. Trong khi đó, giá hợp đồng tương lai lúa thô trên Sàn giao dịch Chicago đã tăng hơn 80% kể từ đầu năm 2026, trong khi Philippines ghi nhận giá gạo tăng 21% trong tháng 10 so với cùng kỳ năm trước.

** Giá gạo thế giới tăng trong tháng 10/2026*

Theo Báo cáo cập nhật giá gạo tháng 11/2026 của FAO, giá gạo thế giới tăng trong tháng 10/2026, với Chỉ số giá gạo tổng hợp của FAO tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 112,3 điểm. Giá các nhóm gạo Indica, Japonica và gạo nếp đều tăng, trong khi giá gạo thơm nhìn chung duy trì ổn định. Giá gạo tại châu Á nhìn chung tăng do nguồn cung thắt chặt, chi phí sản xuất cao hơn và những lo ngại về sản lượng do thời tiết bất lợi, trong đó giá gạo Ấn Độ tăng, còn giá gạo Pakistan giảm nhẹ. Tại châu Mỹ, giá gạo xuất khẩu tăng do sản lượng thu hoạch thấp hơn, nguồn cung thắt chặt và những lo ngại về triển vọng sản xuất.

** Sản lượng và tồn kho gạo toàn cầu niên vụ 2026/27 dự báo giảm, trong khi thương mại quốc tế tăng*

Theo Báo cáo tóm tắt cung cầu ngũ cốc tháng 11/2026 của FAO, sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2026/27 dự báo giảm 2,5% so với mức 566,1 triệu tấn của niên vụ 2025/26, trong khi tổng nhu cầu sử dụng gạo dự kiến đạt 558,7 triệu tấn, cao hơn sản lượng 6,7 triệu tấn. Theo đó, tồn kho gạo cuối kỳ toàn cầu dự báo giảm 3,3%, xuống còn 216,5 triệu tấn, với tỷ lệ tồn kho trên tổng nhu cầu sử dụng giảm xuống còn 38,2%. Trong khi đó, thương mại gạo quốc tế dự báo tăng 2,8%, đạt 61,6 triệu tấn. Chỉ số giá gạo tổng hợp của FAO cũng tăng 1,6% trong tháng 10/2026 so với tháng trước, do tác động của việc chậm thu hoạch, thời tiết bất lợi và chi phí sản xuất tăng cao.

Philippines

Theo Malaya Business Insight, tỷ lệ lạm phát tại Philippines tăng lên 7,8% trong tháng 10/2026, so với mức 7,2% của tháng 9, làm gia tăng áp lực đối với sức mua của các hộ gia đình. Tỷ lệ lạm phát bình quân 10 tháng đạt 5,6%. Giá gạo tăng, cùng với chi phí năng lượng và vận chuyển cao hơn, được xác định là những yếu tố chính góp phần làm gia tăng lạm phát, mặc dù lạm phát giá lương thực có dấu hiệu hạ nhiệt. Bộ Kinh tế, Kế hoạch và Phát triển Philippines

(DEPDev) cho biết Chính phủ đang mở rộng các biện pháp nhằm giảm áp lực giá và bảo vệ người tiêu dùng, đặc biệt là các hộ gia đình dễ bị ảnh hưởng. Các biện pháp bao gồm tăng cường sản xuất nông nghiệp, cải thiện nguồn cung và hệ thống phân phối lương thực, đồng thời hỗ trợ nông dân và các ngành chịu ảnh hưởng. Chính phủ cũng tập trung giải quyết tình trạng chi phí vận chuyển và năng lượng tăng cao, vốn đang góp phần đẩy giá các mặt hàng thiết yếu tăng lên.

Theo Bloomberg, sản lượng lúa của Philippines trong quý III/2026 giảm 17,8% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 3,08 triệu tấn, so với mức 3,75 triệu tấn trong quý III/2025. Diễn biến này xảy ra sau khi sản lượng tăng 5,7% trong quý II/2026. Tuy nhiên, giá trị sản xuất lúa tăng lên 67,2 tỷ peso Philippines (khoảng 1,06 tỷ USD), so với mức 61,1 tỷ peso (970 triệu USD) của cùng kỳ năm trước, mặc dù sản lượng sụt giảm.

Trung Quốc

Theo Bloomberg, dẫn thông cáo của Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc, Trung Quốc bày tỏ mong muốn tăng cường trao đổi công nghệ nông nghiệp và hợp tác ngành hàng với Indonesia. Bộ trưởng Nông nghiệp Trung Quốc đã gặp Bộ trưởng Nông nghiệp Indonesia tại Bắc Kinh ngày 02/11 nhằm thảo luận các cơ hội tăng cường hợp tác nông nghiệp song phương. Nội dung trao đổi tập trung vào một số mặt hàng chủ chốt, bao gồm gạo, dầu cọ, cà phê, dừa, tỏi và các sản phẩm sữa. Bộ trưởng Trung Quốc kêu gọi đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và thiết bị nông nghiệp tiên tiến nhằm hiện đại hóa ngành nông nghiệp hai nước và nâng cao khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng. Hoạt động hợp tác được đề xuất nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp thông qua trao đổi công nghệ, hợp tác ngành hàng và nâng cao năng lực sản xuất trong các lĩnh vực được xác định.

Hàn Quốc

Sản lượng gạo của Hàn Quốc trong niên vụ thương mại 2026/27 dự báo giảm năm thứ ba liên tiếp, xuống còn 3,52 triệu tấn (quy đổi gạo xay xát), so với mức 3,54 triệu tấn của năm trước, chủ yếu do diện tích gieo trồng thu hẹp. Nhập khẩu gạo dự báo đạt 408.000 tấn, tương đương hạn ngạch thuế quan (TRQ) hằng năm theo cam kết WTO của nước này là 408.700 tấn, với mức thuế nhập khẩu trong hạn ngạch 5% và ngoài hạn ngạch 513%. Tính đến tháng 9/2026, đã có 82,3% hạn ngạch được ký hợp đồng. Trong khi đó, hoạt động đấu giá gạo Hoa Kỳ nhập khẩu phục vụ tiêu dùng trực tiếp do Chính phủ tổ chức vẫn bị giới hạn ở mức 400 tấn/tuần, khiến lượng tồn kho lớn tiếp tục tích lũy tại các kho dự trữ của Chính phủ. Giá gạo nội địa dự kiến duy trì gần mức hiện tại, được hỗ trợ bởi sản lượng giảm và các biện pháp điều tiết nguồn cung

của Chính phủ. Các chính sách bao gồm khuyến khích nông dân chuyển sang trồng các loại ngũ cốc khác và sản xuất lúa phục vụ chế biến thông qua các biện pháp hỗ trợ tài chính, trong khi lượng gạo viện trợ dự kiến tiếp tục duy trì ở mức khoảng 50.000 tấn trong năm 2027. Mặc dù sản lượng và tiêu thụ đều giảm, tồn kho cuối kỳ dự báo tăng từ 703.000 tấn trong niên vụ thương mại 2025/26 lên 731.000 tấn, nhờ nguồn gạo nhập khẩu và tiến độ đấu giá chậm đối với lượng gạo Hoa Kỳ do Chính phủ nắm giữ.

Nhật Bản

Theo *Kyodo News*, ngày 30/10, Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) công bố định hướng sản lượng gạo phục vụ tiêu dùng trực tiếp năm 2027 ở mức 6,93 triệu tấn, giảm 480.000 tấn (6,5%) so với sản lượng thu hoạch ước tính 7,41 triệu tấn năm 2026. Biện pháp này nhằm ngăn chặn giá gạo tiếp tục giảm trong bối cảnh lượng gạo dư thừa ngày càng gia tăng. Nhu cầu tiêu thụ gạo phục vụ ăn uống trực tiếp hằng năm dự báo ở mức 6,93–7,10 triệu tấn. Trong khi đó, sản lượng gạo không phục vụ tiêu dùng trực tiếp, bao gồm gạo dùng cho chế biến và thức ăn chăn nuôi, dự kiến tăng gấp 1,6 lần, lên 1,09 triệu tấn, qua đó hạn chế mức giảm tổng sản lượng gạo xuống chỉ còn 1,1%. Tiêu thụ gạo tại Nhật Bản đã giảm xuống dưới một nửa so với mức đầu những năm 1960, phản ánh sự thay đổi dài hạn trong cơ cấu khẩu phần ăn theo hướng tăng tiêu thụ thịt, các sản phẩm sữa và bánh nướng. Mặc dù tiêu thụ suy giảm, gạo vẫn giữ vai trò quan trọng trong văn hóa ẩm thực Nhật Bản. Quốc gia này đang ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu nông sản do diện tích đất nông nghiệp hạn chế, sản xuất trong nước suy giảm và lực lượng nông dân già hóa. Tỷ lệ tự cung tự cấp lương thực của Nhật Bản hiện ở mức khoảng 37% nếu tính theo lượng calo.

Indonesia

Theo số liệu ước tính mới nhất của Cơ quan Thống kê Indonesia (BPS) công bố ngày 02/11, sản lượng gạo của Indonesia năm 2026 dự báo giảm 4,57% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 33,11 triệu tấn, giảm khoảng 1,59 triệu tấn so với năm 2025. Theo CNBC Indonesia và Antara, sản lượng lúa dự báo giảm 4,57%, xuống còn 57,45 triệu tấn, trong khi diện tích thu hoạch dự kiến giảm 4,8%, xuống còn 10,78 triệu ha. Mức sụt giảm dự kiến sẽ nghiêm trọng hơn trong quý cuối năm, với sản lượng gạo giai đoạn tháng 10–12 dự báo đạt 5,01 triệu tấn, giảm 16,32% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng tháng 9 ước giảm 18,25%, xuống còn 2,81 triệu tấn. BPS cho rằng triển vọng sản xuất suy giảm một phần do tác động của hiện tượng El Niño, dự kiến sẽ trở nên rõ rệt hơn vào cuối năm, làm giảm diện tích thu hoạch và sản lượng.

Theo Antara News, tỷ lệ lạm phát giá gạo theo tháng tại Indonesia giảm mạnh từ 0,80% trong tháng 9 xuống còn 0,08% trong tháng 10/2026, nhờ tăng cường phân phối gạo từ nguồn dự trữ của Chính phủ. Chính phủ đã phân phối khoảng 161.000 tấn gạo thông qua Chương trình Bình ổn Nguồn cung và Giá lương thực (SPHP) và các chương trình hỗ trợ lương thực, đồng thời triển khai 1.595 đợt bán hàng trong khuôn khổ Phong trào Thực phẩm Giá rẻ tại 38 tỉnh. Chính phủ cũng điều chuyển nguồn cung từ các khu vực dư thừa sang những khu vực thiếu hụt nhằm giảm áp lực giá tại địa phương. Lượng gạo dự trữ của Chính phủ ở mức cao kỷ lục đã góp phần nâng cao khả năng bình ổn giá gạo trong nước.

Jordan

Theo báo cáo GAIN gần đây của Văn phòng đại diện Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA Post), Jordan dự kiến tiếp tục phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn gạo nhập khẩu trong niên vụ thương mại 2026/27, do không sản xuất gạo trong nước vì điều kiện khí hậu không thuận lợi và nguồn nước hạn chế. Tiêu thụ gạo dự báo tăng 2%, lên 260.000 tấn (quy đổi gạo xay xát), trong khi nhập khẩu dự kiến đạt 265.000 tấn. Các nhà nhập khẩu dự kiến tăng cường dự trữ gạo trước tháng Ramadan vào tháng 02/2027. Lượng tồn kho gạo dự báo duy trì ổn định ở mức 27.000 tấn, tương đương khoảng 3,5 tháng tiêu dùng. Chính phủ tiếp tục hạn chế xuất khẩu và tái xuất khẩu gạo theo Quyết định số 26 ban hành tháng 3/2026 nhằm bảo đảm nguồn cung trong nước và an ninh lương thực.

Mỹ Latinh

Uruguay, gạo 5% tấm hiện ở mức khoảng 603 USD/tấn, tăng khoảng 3 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 11 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 134 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo báo cáo tiến độ gieo trồng ngày 03/11 của Hiệp hội Người trồng lúa Uruguay (ACA), vụ gieo trồng lúa 2026/27 tại Uruguay đang gần hoàn thành, với 96% trong tổng diện tích kế hoạch 155.880 ha đã được gieo trồng, cao hơn khoảng 6 điểm phần trăm so với mức trung bình 5 năm. Khu vực phía Đông dẫn đầu với tiến độ hoàn thành 99%, trong khi khu vực phía Bắc và miền Trung lần lượt đạt 88% và 92%. Mặc dù vụ gieo trồng lúa 2026/27 của Uruguay gần hoàn thành và tiến độ đang cao hơn mức trung bình lịch sử, tình trạng độ ẩm quá cao tại các vùng sản xuất phía Bắc và việc tiếp tục gieo trồng lại có thể gây rủi ro cục bộ đối với năng suất. Do đó, điều kiện thời tiết và tình hình sinh trưởng ban đầu của cây lúa sẽ là những yếu tố quan trọng cần theo dõi trong các tuần tới.

Argentina, gạo 5% tấm hiện ở mức khoảng 550 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước và tháng trước, nhưng tăng khoảng 137 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Brazil, gạo 5% tấm hiện ở mức khoảng 620 USD/tấn, giảm khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 18 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 51 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá lúa CEPEA của Brazil tăng nhẹ 82,27 real/50 kg (nhích nhẹ 0,17%). Tuy nhiên, do biến động tỷ giá, mức giá quy đổi sang USD giảm 2,4% (còn 299,71 USD/tấn). Bất chấp các đợt giảm nhẹ ngắn hạn, giá lúa vẫn cao hơn khoảng 42-45% so với cùng kỳ năm 2025.

Viện Lúa gạo Rio Grande do Sul (IRGA) đang tích cực đàm phán để xuất khẩu gạo cao cấp của Brazil sang Philippines. Đề nghị chính thức đã được trình lên trong tháng 10/2026. Mục tiêu quan trọng trước mắt là hai nước cần đạt được thỏa thuận kiểm dịch thực vật để khơi thông dòng chảy thương mại.

Tính đến ngày 05/11/2026, bang trọng điểm Rio Grande do Sul đã hoàn thành 75,7% tiến độ gieo trồng lúa có tưới (đạt khoảng 652.208 ha trên tổng số hơn 861 nghìn ha theo kế hoạch).

Mexico, sản lượng lúa của Mexico năm 2025 tăng 17,3%, đạt 257.480 tấn, nhờ diện tích gieo trồng mở rộng 28,4%, lên 40.250 ha. Nayarit tiếp tục là bang sản xuất lúa lớn nhất, trong khi Campeche ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất, với sản lượng tăng 134,8%. Mặc dù sản lượng tăng, nguồn cung trong nước vẫn không đủ đáp ứng nhu cầu, khiến Chính phủ thiết lập hạn ngạch nhập khẩu gạo miễn thuế 200.000 tấn cho năm 2026.

Costa Rica, theo *Qcostarica*, dẫn số liệu của Tổng công ty Lúa gạo Quốc gia Costa Rica (CONARROZ), tiêu thụ gạo của Costa Rica trong niên vụ thương mại 2024/25 đạt mức kỷ lục 270.594 tấn, cao nhất trong hơn hai thập kỷ. Mức này tăng khoảng 6,7% so với 253.555 tấn trong niên vụ thương mại 2023/24. Lượng tiêu thụ gạo bình quân đầu người cũng tăng lên 50,74 kg/năm, so với mức 48,18 kg của niên vụ trước. Mức tăng này phản ánh vai trò quan trọng liên tục của gạo trong cơ cấu lương thực thiết yếu tại Costa Rica. Do sản xuất trong nước không đủ đáp ứng tổng nhu cầu, quốc gia này phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu để bổ sung nguồn cung gạo. Đại diện ngành lúa gạo nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì lượng tồn kho phù hợp và đa dạng hóa nguồn nhập khẩu nhằm bảo đảm nguồn cung trong nước ổn định trước những nguy cơ gián đoạn nguồn cung do thời tiết và địa chính trị.

Colombia, theo thông báo trên trang thông tin của Công ty Hạn ngạch Xuất khẩu Gạo Colombia (COL-RICE), đơn vị này đang mời tham gia đấu thầu quyền xuất khẩu khoảng 107.062 tấn gạo (quy đổi gạo xay xát) có xuất xứ Hoa

Kỳ sang Colombia theo chế độ miễn thuế trong khuôn khổ hạn ngạch thuế quan (TRQ) mà Colombia dành cho Hoa Kỳ theo Hiệp định Xúc tiến Thương mại Hoa Kỳ–Colombia (TPA). Hạn cuối nộp hồ sơ dự thầu là ngày 25/01/2027 và thời gian giao hàng dự kiến từ ngày 01/02 đến ngày 30/6/2027. Giá dự thầu phải được thể hiện bằng USD và cent trên mỗi tấn, với mức giá dự thầu tối thiểu là 30 USD/tấn.

Hoa Kỳ

Gạo 4% tấm hiện ở mức khoảng 732 USD/tấn, tăng khoảng 50 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 58 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 150 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Châu Phi

Madagascar, lượng mưa tại phần lớn các khu vực của Madagascar trong giai đoạn tháng 11/2026 đến tháng 01/2027 dự báo thấp hơn mức bình thường, có thể ảnh hưởng đến hoạt động canh tác lúa, đặc biệt tại vùng sản xuất trọng điểm Alaotra-Mangoro. Việc mùa mưa bắt đầu muộn đã khiến các cơ quan chức năng khuyến cáo nông dân trồng lúa phụ thuộc nước trời hoãn gieo sạ cho đến khi độ ẩm đất đạt mức phù hợp. Những gián đoạn trong việc chuẩn bị nguồn giống và kế hoạch gieo trồng, cùng với khả năng phải sử dụng các giống lúa ngắn ngày, có thể tiếp tục gây khó khăn cho hoạt động canh tác. Nếu tình trạng khô hạn kéo dài, diện tích gieo trồng và năng suất lúa trong niên vụ thương mại 2026/27 có thể giảm, làm gia tăng sự phụ thuộc của Madagascar vào nguồn gạo nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu trong nước.

Mauritania, theo Africa Business Insight, Mauritania đã đạt tỷ lệ tự cung tự cấp gạo khoảng 88%, với sản xuất trong nước đáp ứng phần lớn nhu cầu tiêu dùng. Tuy nhiên, quốc gia này vẫn tiếp tục phụ thuộc vào nhập khẩu để đáp ứng phần nhu cầu còn lại. Tiêu thụ gạo bình quân đầu người tương đối cao, đạt khoảng 97 kg trong năm 2022. Gạo nhập khẩu chịu tổng mức thuế và các khoản phí thực tế khoảng 43,4%, bao gồm thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT) và các khoản thu khác, nhằm bảo vệ các nhà sản xuất trong nước nhưng đồng thời góp phần làm tăng giá gạo nội địa. Chính phủ hỗ trợ sản xuất trong nước thông qua các biện pháp bảo hộ nhập khẩu và đầu tư vào cơ sở hạ tầng thủy lợi, giống cải tiến, sử dụng phân bón và dịch vụ khuyến nông.

Zimbabwe, có kế hoạch mở rộng diện tích canh tác lúa trong nước lên 5.000 ha nhằm giảm sự phụ thuộc lớn vào nguồn gạo nhập khẩu. Hiện nay, quốc gia này chỉ sản xuất khoảng 2.900 tấn lúa gạo mỗi năm, trong khi nhu cầu tiêu dùng khoảng 300.000 tấn, với lượng nhập khẩu năm 2024 đạt gần 264.000 tấn, trị giá 190,4 triệu USD. Chính phủ đặt mục tiêu tăng cường sản xuất trong nước thông qua hợp tác với Trung tâm Lúa gạo châu Phi (AfricaRice), phát

triển các giống lúa năng suất cao, cải thiện hệ thống thủy lợi, đào tạo nông dân và đầu tư vào cơ giới hóa, cơ sở hạ tầng kho chứa và xay xát gạo.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 390 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, tuy nhiên lần lượt tăng khoảng 5 USD/tấn so với tháng trước và tăng 38 USD/tấn so với cùng kỳ.

Thị trường cho biết chi phí vận tải tuần qua duy trì ở mức cao, hoạt động giao dịch mới còn hạn chế do giá gạo cao và tâm lý thận trọng của nhà nhập khẩu. Tính đến ngày 30/10/2026, lượng gạo chờ xếp tàu xuất khẩu của nước này đạt 1,12 triệu tấn, giảm 4,5% so với tuần trước. Trong đó, Philippines, Senegal và Iran là những điểm đến chính. Lượng gạo thực tế được giao trong tuần 24–30/10 đạt 89.200 tấn, giảm 36% so với tuần trước, trong đó cảng Kandla chiếm phần lớn khối lượng xuất khẩu.

Hoạt động xuất khẩu gạo đang chịu áp lực ngày càng lớn từ giá nội địa tăng, nhu cầu nguyên liệu công nghiệp gia tăng và gián đoạn vận chuyển hàng hóa sang khu vực Tây Á. Nhu cầu gia tăng từ các nhà sản xuất ethanol và doanh nghiệp thức ăn chăn nuôi gia cầm đang làm tăng cạnh tranh đối với nguồn cung gạo tấm, ngô và gạo dư thừa, qua đó tạo thêm áp lực lên giá trong nước. Liên đoàn các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ (IREF) cho rằng Chính phủ có thể xem xét tái áp dụng hạn chế xuất khẩu gạo tấm 100% nếu giá quốc tế tiếp tục tăng, hiện đã vượt 360 USD/tấn.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 490 USD/tấn, lần lượt tăng khoảng 13 USD/tấn so với tuần trước, 37 USD/tấn so với tháng trước và tăng 156 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu gạo nước này đang chịu nhiều áp lực trong năm 2026 do gián đoạn thương mại liên quan đến tình hình địa chính trị, thay đổi chính sách nhập khẩu của các thị trường và khả năng cạnh tranh về giá suy giảm. Theo Cục Ngoại thương Thái Lan (DFT), trong giai đoạn tháng 1–9/2026, nước này xuất khẩu 4,99 triệu tấn gạo. Dự báo xuất khẩu cả năm được điều chỉnh xuống còn 6,5 triệu tấn, thấp hơn mục tiêu ban đầu 7 triệu tấn. Thị trường châu Á tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ, với lượng gạo xuất khẩu sang khu vực này đạt 1,71 triệu tấn, tăng 13,3% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu sang Philippines tăng 263%, Malaysia tăng 155% và Hong Kong tăng 63%. Đáng chú ý, lượng gạo nhập khẩu từ nguồn cung Thái Lan của Malaysia đã đạt mức cao nhất trong 20 năm qua. Nhu cầu mạnh trong khu vực, đặc biệt đối với gạo thơm và gạo

jasmine, đã góp phần bù đắp lượng xuất khẩu sụt giảm sang Iraq và một số thị trường Trung Đông khác do gián đoạn thương mại liên quan đến tình hình địa chính trị.

Xuất khẩu sang Iraq bị gián đoạn do xung đột tại Trung Đông và hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz bị hạn chế. Indonesia cũng tạm ngừng nhập khẩu gạo trong năm nay để tập trung thúc đẩy tiêu thụ nguồn cung trong nước. Trong khi đó, xuất khẩu gạo thơm Hom Mali sang Hoa Kỳ chịu ảnh hưởng từ thuế quan và nhu cầu tiêu thụ suy yếu; Nhật Bản cũng gia tăng nhập khẩu gạo từ Hoa Kỳ.

Pakistan

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 412 USD/tấn, giảm khoảng 5 USD/tấn so với tuần trước, nhưng lần lượt tăng 14 USD/tấn so với tháng trước và tăng 78 USD/tấn so với cùng kỳ.

Theo số liệu sơ bộ, trong tháng 9/2026, nước này đã xuất khẩu khoảng 420 ngàn tấn gạo, tăng khoảng 150% so với cùng kỳ năm 2025. Mức tăng được ghi nhận trong bối cảnh cước vận tải biển và phí bảo hiểm hàng hải tăng, hoạt động vận chuyển bị gián đoạn do căng thẳng địa chính trị tại khu vực Vùng Vịnh. Nhu cầu quốc tế ổn định đối với gạo basmati chất lượng cao, tiếp tục hỗ trợ phân khúc xuất khẩu.

Trong giai đoạn tháng 7–9/2026, xuất khẩu gạo của Pakistan tăng 51% so với cùng kỳ năm trước, trong khi thu ngoại tệ tăng 37%. Nguồn cung xuất khẩu được hỗ trợ bởi lượng tồn kho chuyển tiếp cao và diện tích gieo trồng lúa ước tăng 18–20%. Bên cạnh đó, khả năng tiếp cận phân bón và tín dụng nông nghiệp được cải thiện cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng.

Campuchia

Theo số liệu xuất khẩu do Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF) công bố, trong tháng 9/2026, nước này xuất khẩu 140.740 tấn gạo xay xát, tăng 34,8% so với mức 104.408 tấn cùng kỳ năm trước và tăng 66% so với tháng 8/2026. Đây là khối lượng xuất khẩu theo tháng cao nhất kể từ đầu năm 2026. Kết quả tháng 9 cho thấy hoạt động xuất khẩu gạo của nước này cải thiện đáng kể, với lượng hàng giao vượt 100.000 tấn trong hai tháng liên tiếp.

Miến Điện

Nước này đã công bố mức giá thu mua lúa tối thiểu là 1,35 triệu kyat/100 giỏ lúa (khoảng 144 USD/tấn), áp dụng cho vụ mùa năm 2026 và vụ hè năm 2027. Lúa phải đáp ứng các yêu cầu về độ ẩm, trọng lượng và chất lượng theo quy định.

Tuy nhiên, một số nông dân cho rằng mức giá này còn thấp so với giá mua bán thực tế trên thị trường, hiện phổ biến khoảng 1,9–2 triệu kyat/100 giỏ

(khoảng 202-213 USD/tấn). Theo phản ánh của nông dân, mức giá được công bố chưa tính đến đầy đủ các khoản chi phí sản xuất như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, nhân công thu hoạch và lãi vay.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	03 – 11	04 – 11	05 – 11	06 – 11	09 – 11
Trung Quốc (CNY/USD)	6,65	6,67	6,67	6,65	6,67
Châu Âu (EUR/USD)	0,89	0,89	0,90	0,90	0,90
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	18.112,64	18.141,57	18.176,82	18.135,69	18.076,55
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,07	4,08	4,08	4,06	4,06
Philippines Peso (PHP/USD)	63,22	63,54	63,96	63,70	63,08
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.344,79	1.345,29	1.343,86	1.333,91	1.363,99
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	157,82	158,51	158,24	157,57	158,48
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	94,74	94,73	95,27	94,92	93,92
Miến Điện (MMK/USD)	2.099,54	2.099,52	2.099,64	2.099,47	2.099,46
Pakistan Rupees (PKR/USD)	276,56	276,66	276,60	276,65	276,58
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,71	33,78	33,78	33,76	33,56
Việt Nam Đồng (VND/USD)	25.763,77	25.765,81	25.824,69	25.798,75	25.603,99

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

**** Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 09/11/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 538 ngàn ha/634 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 85%, thu hoạch được khoảng 209 ngàn ha, với năng suất ước 59,63 tạ/ha, sản lượng 1,246 triệu tấn lúa.

Lúa vụ mùa 2026 đã gieo sạ được 148 ngàn ha đạt 90% kế hoạch tập trung ở tỉnh An Giang và Cà Mau.

Vụ Đông Xuân 2026-27 đã xuống giống được 115 ngàn ha/1,217 triệu ha đạt 9,5% diện tích kế hoạch.

II. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/11 – 09/11/2026 có 11 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 58.900 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Adira 88	HCM	20/10/2026	5.000	Philippines
2	Red Diamond	HCM	20/10/2026	49.000	Châu Phi
3	MD Sea	HCM	23/10/2026	10.700	Philippines
4	Mekong Star	HCM	25/10/2026	2.900	Philippines
5	Quang Minh 45	HCM	25/10/2026	4.900	Philippines
6	Hòa Bình 45	HCM	26/10/2026	4.000	Philippines
7	Nashico Eagle	HCM	26/10/2026	6.350	Philippines
8	Tân An Dynamic	HCM	26/10/2026	6.800	Philippines
9	Zaccar	HCM	26/10/2026	25.000	Châu phi
10	Quang Minh 5	HCM	27/10/2026	4.900	Philippines
11	Trường Minh Dream 02	HCM	28/10/2026	47.000	Châu phi
12	Hà Đông	HCM	03/11/2026	4.000	Philippines
13	Star 55	HCM	04/11/2026	7.300	Philippines
14	Gia Long	HCM	05/11/2026	7.300	Philippines
15	Hoàng Triều 69	HCM	05/11/2026	5.000	Philippines
16	Hoàng Triều 79	HCM	05/11/2026	5.000	Philippines
17	Mr Pepper	HCM	06/11/2026	7.300	Philippines
18	Quang Minh 9	HCM	06/11/2026	4.500	Philippines
19	Kiến Hưng	HCM	07/11/2026	3.400	Philippines
20	Hoàng Hải Star	HCM	09/11/2026	3.750	Philippines
21	Hoàng Triều 68	HCM	09/11/2026	6.500	Philippines
22	Long Tân 99	HCM	09/11/2026	4.850	Philippines
Tổng				**225.450**	

III. GIÁ LÚA/GẠO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	05/11	+/-	05/11	+/-	05/11	+/-	05/11	+/-	05/11	+/-	05/11	+/-	05/11	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	7.350	+700	6.950	+100	7.250	+400	7.300	+350	7.300	-	7.450	+150	7.450	+200	7.450	7.293
Lúa thường	6.550	+400	6.450	+200	6.450	+200	6.750	+200	6.250	-	6.750	+200	6.550	+100	6.750	6.536
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	8.750	+700	8.450	+110	8.840	+440	8.750	-	8.750	-			8.850	+300	8.850	8.732
Lúa thường	8.550	+700	7.850	+250	7.685	+235	8.200	-	8.200	-			8.050	+200	8.550	8.089
Gạo Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	9.450	+200	10.650	+400	10.750	+300	10.750	+450	10.175	-			10.950	+500	10.950	10.454
Lứt loại 2	9.350	+200	9.650	+550	9.350	+275	10.350	+250	8.975	-	10.350	+250	9.450	+150	10.350	9.639
Xát trắng loại 1			11.950	+700			11.375	+325	11.400	-	11.950	+550	11.750	+400	11.950	11.685
Xát trắng loại 2			10.550	+300			10.350	+200	9.950	-	10.650	+200	10.650	+200	10.650	10.430
Phụ Phẩm																
Tấm 1/2	9.850	+300	9.550	+200	9.950	+125	10.200	+400	9.750	-	10.500	+400	10.500	+400	10.500	10.043
Tấm 2/3			9.050	+300	9.925	+100			8.475	-675			8.950	-	9.925	9.100
Tấm 3/4	8.850	+100	8.600	-50	9.400	-75							8.950	-	9.400	8.950
Cám xát	8.050	+100	7.850	+200	8.275	-75	8.325	+175	8.250	-	8.325	-25	8.250	-	8.325	8.189
Cám lau	8.050	+100	7.800	+250	8.275	-75	8.000	+175	8.250	-	8.350	-	8.350	-	8.350	8.154
Gạo TPXK Không Bao Tại Mạn																
5%	10.600	+100	11.050	+100	10.500	+150	10.950	+100	11.350	-	11.350	-	10.950	+100	11.350	10.964
10%			10.950	+100					11.150	-			10.750		11.150	10.950
15%	10.400	+100	10.850	+100	10.300	+150	10.750	+100	10.950	-	10.950	-	10.550	-	10.950	10.679
20%									10.650	-					10.650	10.650
25%	10.200	+100	10.250	+300	10.100	+150	10.550	+100	10.350	-	10.350	-100	10.350	+100	10.550	10.307

***